

# TỔNG QUAN TÀI LIỆU VỀ QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

Trần Hữu Cường  
Khoa Kế toán và Quản trị Kinh doanh

## **1.1. Một số nghiên cứu liên quan đến quản trị rủi ro tín dụng tại các NHTM**

### **1.1.1. Một số nghiên cứu nước ngoài về quản trị rủi ro tín dụng tại các NHTM**

Theo Laurent Balthazar, 2006, “*From Basel 1 to Basel 3, The Integration of State-of-the-Art Risk Modeling in Banking Regulation*” [52]:

Mục tiêu của nghiên cứu là đưa ra một phác thảo rộng về những thách thức để đáp ứng những tiêu chuẩn quy định mới của hoạt động quản trị RRTD dựa trên hai kỹ thuật chính thường được sử dụng trong hiện nay là: điểm tín dụng và giá trị tín dụng.

Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê, tổng hợp tài liệu, nghiên cứu các thông tin thứ cấp để giúp người đọc có cái nhìn tổng quan nhất về Basel 1, Basel 2 và Basel 3 như: quá trình hình thành và ra đời, kỹ thuật sử dụng, điều kiện áp dụng những Hiệp ước này và đồng thời nghiên cứu một số trường hợp thực tế sử dụng Basel để quản trị rủi ro.

Kết quả nghiên cứu: đưa ra các ví dụ cụ thể và cung cấp các kỹ thuật có nhiều khả năng thực hiện đó là áp dụng Basel 2. Nghiên cứu chỉ ra những điều kiện và khó khăn của việc áp dụng Basel 2 trong quản lý đó là thị trường thường thiếu tiêu chuẩn hóa, không có sự ổn định, vấn đề về tập hợp các số liệu không đầy đủ. Chính vì vậy, các ngân hàng cần xây dựng một danh mục đầu tư tài sản rủi ro và xác định dung sai rủi ro dựa trên một phần của việc sử dụng điểm tín dụng và giá trị tín dụng.

Đánh giá về nghiên cứu: tác giả thực hiện xây dựng danh mục đầu tư tài sản rủi ro và xác định dung sai rủi ro dựa trên điểm tín dụng và giá trị tín dụng mà chưa xem xét đến sự biến động của các yếu tố có tác động đến điểm tín dụng và giá trị tín dụng như: giá trị tài sản, chất lượng tài sản, thay đổi của thị trường...

Theo Anthony Saunders & Linda Allen, 2010, “*Credit risk measurement in and out of the financial crisis*” [39]:

Mục tiêu nghiên cứu: Tổng hợp các mô hình định lượng đo lường rủi ro tín dụng sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu diễn ra vào thời kỳ 2007-2009.

Phương pháp nghiên cứu: tác giả sử dụng phương pháp thống kê, nghiên cứu tài liệu thứ cấp để hoàn thành nghiên cứu của mình.

Kết quả nghiên cứu: Phần đầu tiên của tác phẩm các tác giả tập trung phân tích trước, trong và hậu quả của cuộc khủng hoảng tài chính 2007 – 2009; phần thứ hai là trình bày một số mô hình định lượng để xác định ước tính xác suất vỡ nợ ( PD); phần cuối cùng nói đến cơ chế chuyển giao rủi ro tín dụng bao gồm: các giao dịch hoán đổi tín dụng (CDS) và chứng khoán có tài sản bảo đảm. Ngoài ra, các tác giả dành chương cuối cùng của cuốn sách để bàn về quy định vốn, tập trung vào quy định cụ thể của hiệp ước Basel 2 trong quản trị RRTD và các cải cách được đề xuất trong Basel 2 so với hiệp ước Basel 1.

Đánh giá về nghiên cứu: Toàn bộ nghiên cứu đã phản ánh đúng và đầy đủ về mục tiêu nghiên cứu của tác giả, đó là việc thống kê mô tả các mô hình được sử dụng để đo lường rủi ro tín dụng sau cuộc khủng hoảng tài chính giai đoạn 2007-2009.

Theo Jiajia Jin, Ziwen Ya & Chuamin Mi, 2012, “*Commerical bank credit risk management based on grey incidence anaslysis*” [53]:

Mục tiêu nghiên cứu: phân tích rủi ro tín dụng trên góc độ của yếu tố công nghiệp và kinh tế vĩ mô thông qua phương pháp phân tích tỷ lệ màu xám.

Phương pháp nghiên cứu: phương pháp thống kê (dựa trên dữ liệu lịch sử của các ngân hàng về tài sản tín dụng của các ngành công nghiệp) và phương pháp nghiên cứu sự thay đổi và phân tích dữ liệu theo hướng suy giảm (tỷ lệ xám) của cá nhân tổ kinh tế vĩ mô và ngành công nghiệp.

Kết quả nghiên cứu: chia làm ba phần chính: phần đầu đưa ra phương pháp xác định tỷ lệ nợ xấu trong ngân hàng dựa trên các nhân tố kinh tế vĩ mô và ngành công nghiệp, nghiên cứu xu hướng thay đổi theo chiều hướng suy giảm của các nhân tố trong hệ thống nội bộ; phần tiếp theo chỉ ra các thực nghiệm và phân tích dữ liệu lịch sử của ngân hàng truyền thống theo mô hình các học thuyết và cuối cùng là phần kết luận đó là những ngành công nghiệp khác nhau đều dẫn tới những ảnh hưởng khác nhau đến rủi ro tín dụng, qua nghiên cứu ngành công nghiệp Trung Quốc thì ngành có mức độ an toàn cao nhất đối với tài sản tín dụng là công nghiệp năng lượng, bất động sản là ngành có hệ số an toàn là nhỏ nhất. Vì vậy, các tác giả kiến nghị cần phải có những chính sách tín dụng khác nhau phù hợp để thúc đẩy sự phát triển lành mạnh của ngành bất động sản.

Đánh giá về nghiên cứu: kết quả nghiên cứu có ý nghĩa cả về mặt lý luận và thực tiễn. Tác giả đã có sự tổng hợp về các phương pháp xác định tỷ lệ nợ xấu dựa trên hai yếu tố là kinh tế vĩ mô và các ngành công nghiệp. Đồng thời về mặt thực tiễn, thông qua phương pháp phân tích dữ liệu và các mô hình học thuyết, kết quả nghiên cứu cũng đã đưa ra được tổng kết đó là tại Trung Quốc ngành có tỷ lệ nợ an toàn nhất là ngành công nghiệp năng lượng và bất động sản là ngành có tỷ lệ nợ xấu cao nhất.

Theo Vilma Deltuvaite, đăng trên báo Economic and management, 2012, 17(3), “*The importance of systemic risk management in the banking sector*” [57]:

Mục tiêu nghiên cứu: đưa ra một số tồn tại hiện có trong các nghiên cứu về quản trị rủi ro, bổ sung một vài nhân tố ảnh hưởng đến quản lý rủi ro tại các NHTM.

Phương pháp nghiên cứu: sử dụng phương pháp thống kê, tổng hợp tài liệu để phân tích về các lập luận trong quản lý rủi ro của ngân hàng, từ đó rút ra kết luận về các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý rủi ro tại các NHTM.

Kết quả nghiên cứu: tác giả đã có đánh giá về tần số xảy ra khủng hoảng trong ngân hàng đều có xu hướng gia tăng trong một số lượng lớn các cuộc khủng hoảng tài chính. Đồng thời, tác giả đưa ra các vấn đề còn tồn tại trong nghiên cứu quản lý rủi ro hệ thống tại các ngân hàng như: các khái niệm rủi ro hệ thống trong ngân hàng chưa được định nghĩa rõ ràng, việc xác định đánh giá rủi ro hệ thống chưa được thẳng thắn, các học giả và nhà chuyên môn không đề xuất bất cứ mô hình quản lý rủi ro hệ thống hoàn chỉnh nào. Ngoài ra, nghiên cứu cũng nêu lên được ảnh hưởng của một số nhân tố đến quản lý rủi ro hệ thống trong ngân hàng bao gồm: các đặc thù trong kinh doanh ngành ngân hàng, mối liên hệ của rủi ro hệ thống trong ngân hàng, xu hướng phát triển của ngân hàng hiện đại và môi trường bên ngoài làm tăng nguy cơ rủi ro hệ thống của ngành ngân hàng.

Đánh giá về nghiên cứu: nghiên cứu đã có những đóng góp nhất định vào lý luận chung về quản trị rủi ro của ngân hàng, tuy nhiên kết quả nghiên cứu mới chỉ dừng lại ở

việc tổng kết những hạn chế về rủi ro hệ thống trong NHTM, đưa ra những ảnh hưởng của 4 yếu tố đó là: đặc thù kinh doanh của ngân hàng, xu hướng phát triển, môi trường bên ngoài và mối liên hệ rủi ro hệ thống đối với hoạt động quản trị rủi ro tại NHTM, chưa đưa ra được những trường hợp phát sinh trong thực tế để đánh giá được tác động của các nhân tố nêu trên đến hoạt động quản trị rủi ro tại NHTM.

Theo Cinzia Baldan, Eric Geretto & Francesco Zen, 2016, “ *A quantitative model to articulate the banking risk appetite framework*” [45]:

Mục tiêu nghiên cứu: nghiên cứu khung đo lường sức chịu đựng rủi ro của ngân hàng thông qua mô hình định lượng.

Phương pháp nghiên cứu: thống kê, phân tích báo cáo tài chính, phân tích định lượng.

Kết quả nghiên cứu: xây dựng được báo cáo về sức chịu đựng rủi ro của các ngân hàng như một “bức tranh” tĩnh về rủi ro ngân hàng, đồng thời phát triển được phương pháp định lượng thực hiện khung rủi ro ngân hàng. Bên cạnh đó, tác giả chứng minh rằng không có hệ số chung nào để so sánh tất cả các loại rủi ro thường gặp trong hoạt động ngân hàng, sức chịu đựng rủi ro cần được tách bạch từng phần khác nhau để xác định từng phần rủi ro bởi những hạng mục khác nhau sẽ có những ngưỡng chịu đựng rủi ro là không giống nhau.

Đánh giá về nghiên cứu: Nghiên cứu có ý nghĩa cả về mặt lý luận và thực tiễn, giúp người đọc hiểu rõ ràng về cách thức xây dựng ngưỡng chịu đựng rủi ro của các ngân hàng thông qua việc phát triển mô hình định lượng được áp dụng cho các báo cáo tài chính của 29 ngân hàng tại Ý trong giai đoạn từ 2009 - 2014.

### **1.1.2. Một số nghiên cứu trong nước về quản trị rủi ro tín dụng tại các NHTM**

Luận án tiến sỹ: “*Luận cứ khoa học về xác định mô hình quản lý rủi ro tín dụng tại hệ thống NHTM Việt Nam*”, 2010, Lê Thị Huyền Diệu [6]:

Mục tiêu nghiên cứu: xác định mô hình quản lý rủi ro thích hợp với Việt Nam và đề xuất các giải pháp, kiến nghị vận hành mô hình quản lý rủi ro tín dụng.

Phương pháp nghiên cứu: tác giả sử dụng phương pháp phỏng vấn lấy ý kiến chuyên gia (lấy dữ liệu sơ cấp về các mô hình quản trị rủi ro tại các NHTM); phương pháp so sánh, tổng hợp phân tích (dữ liệu thứ cấp).

Kết quả nghiên cứu: luận án đã tiếp cận, luận giải một cách có hệ thống và làm rõ thêm một số lý luận quản lý RRTD, mô hình quản lý RRTD; đề xuất mô hình quản lý RRTD thích hợp với điều kiện của các NHTM Việt Nam.

Đánh giá về nghiên cứu: Luận án phân tích việc áp dụng mô hình quản lý rủi ro của hệ thống NHTM trên ba mặt: mô hình tổ chức rủi ro, mô hình đo lường rủi ro và mô hình kiểm soát rủi ro và đã đề xuất mô hình quản lý RRTD thích hợp với các điều kiện của NHTM Việt Nam. Tuy nhiên, nghiên cứu của tác giả chưa đề cập đến hoạt động quản lý rủi ro tuân theo chuẩn mực quốc tế đó là áp dụng quản trị rủi ro gắn với Hiệp ước Basel. Đây chính là một hạn chế của nghiên cứu.

Luận án tiến sỹ: “*Quản trị RRTD của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam*”, 2012, Nguyễn Tuấn Anh [1]:

Mục tiêu nghiên cứu: Luận giải, tổng kết toàn bộ lý luận cơ bản về quản trị rủi ro nói chung và quản trị RRTD nói riêng. Thông qua những lý luận này, nghiên cứu thực trạng hoạt động quản trị RRTD tại Agribank, từ đó tìm ra những tồn tại trong hoạt động

này và đưa ra những giải pháp, kiến nghị phù hợp với hoạt động của Agribank nhằm nâng cao hiệu quả quản trị RRTD.

Phương pháp nghiên cứu: Sử dụng phương pháp phân tích, đánh giá các văn bản, chính sách; phương pháp tổng hợp, phân tích các số liệu thứ cấp của Agribank; phương pháp điều tra thực địa bằng phỏng vấn bán cấu trúc với mục đích tập hợp các ý kiến đánh giá về mô hình quản trị RRTD tại các NHTM Việt Nam và những ý kiến đề xuất nhằm tăng cường hiệu quả của công tác quản trị RRTD tại Agribank.

Kết quả nghiên cứu: Luận án đã hệ thống hóa những lý luận cơ bản về quản trị RRTD tại các NHTM, phân tích và nêu tổng quát hoạt động của ngân hàng nông nghiệp, đánh giá những bất cập trong hoạt động QTRR tại ngân hàng này, tập trung ở vấn đề nhận thức, tư tưởng chỉ đạo, mô hình quản trị lạc hậu, chất lượng nguồn nhân lực chưa cao... Từ những hạn chế đã phân tích, tác giả đã kiến nghị và đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện mô hình quản lý rủi ro tín dụng tại ngân hàng Nông nghiệp

Đánh giá về nghiên cứu: Tác giả đã tìm ra những mặt tồn tại, hạn chế trong công tác quản trị RRTD tại Agribank, từ những tồn tại hạn chế này đưa ra giải pháp, kiến nghị khá sát với hoạt động thực tế quản trị RRTD tại Ngân hàng. Về mặt quản trị RRTD tuy tác giả đã đề cập đến quản trị theo hướng chuẩn quốc tế (Basel 2) nhưng nghiên cứu chưa có những tổng kết về điều kiện có thể thực hiện được chuẩn Basel 2 tại Agribank, Ngân hàng còn cần phải thực hiện những điều gì mới có thể đáp ứng được quản trị RRTD theo hướng chuẩn quốc tế....

Luận án tiến sỹ: “*Nâng cao năng lực quản trị RRTD tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam*”, 2016, Tạ Đình Long [19]:

Mục tiêu nghiên cứu: Hệ thống hóa các lý luận liên quan đến năng lực quản trị rủi ro trong các NHTM, thực hiện so sánh giữa những lý luận này với thực trạng của hoạt động quản trị RRTD tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam từ đó rút ra các giải pháp nâng cao năng lực quản trị RRTD tại Ngân hàng này.

Phương pháp nghiên cứu: sử dụng phương pháp tổng hợp được sử dụng trong việc hệ thống hóa các lý luận và thực trạng liên quan đến nội dung nghiên cứu của đề tài; phương pháp so sánh và phân tích dùng để đánh giá sự thay đổi của hoạt động quản trị RRTD tại Ngân hàng qua các năm, đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao năng lực quản trị RRTD tại Ngân hàng Nông nghiệp.

Kết quả nghiên cứu: Luận án đã nghiên cứu thực tiễn năng lực quản trị RRTD và những tồn tại, hạn chế của nó tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam. Đề xuất định hướng nâng cao năng lực quản trị RRTD tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam và 7 giải pháp hoàn thiện.

Đánh giá về nghiên cứu: Nhìn chung, tác giả đã đưa ra được hệ thống lý luận về hoạt động quản trị RRTD tại các NHTM nói chung, đồng thời căn cứ trên thực tế phát sinh về hoạt động này tại Ngân hàng Nông nghiệp, tác giả đã có những đánh giá, nhận xét, trình bày các tiêu chí được sử dụng để đánh giá năng lực quản trị rủi ro tín dụng trong các ngân hàng thương mại, là tiền đề để đề xuất các giải pháp pháp phù hợp nhằm nâng cao năng lực quản trị RRTD của Ngân hàng Nông nghiệp. Tuy nhiên, hạn chế của nghiên cứu đó là mặc dù đã có hướng tiếp cận quản trị RRTD theo quy định quốc tế, tuy nhiên chưa có sự

đánh giá về những khó khăn, thuận lợi, điều kiện để áp dụng được chuẩn Basel 2 trong quản trị RRTD tại Ngân hàng Nông nghiệp.

Luận án tiến sỹ: “*Quản trị RRTD theo hiệp ước Basel 2 tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam*”, 2016, Trần Thị Ngọc Thạch [29]:

Mục tiêu nghiên cứu: Hệ thống hóa các vấn đề cơ bản về quản trị RRTD theo Hiệp ước Basel 2; đánh giá thực trạng quản trị RRTD tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt nam để xác định được mức độ, điều kiện Ngân hàng có thể đáp ứng thực hiện quản trị RRTD theo Basel 2, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp triển khai quản trị RRTD theo chuẩn quốc tế.

Phương pháp nghiên cứu: Tác giả sử dụng phương pháp thống kê để thu thập dữ liệu liên quan đến hoạt động quản trị RRTD tại Agribank; phương pháp phỏng vấn chuyên gia, khảo sát thông qua bảng hỏi để đánh giá về khả năng quản trị RRTD cả các chi nhánh trong ngân hàng.

Kết quả nghiên cứu: Thông qua nghiên cứu lý luận và thực tế phát sinh của hoạt động quản trị RRTD tại Agribank, tác giả đã đưa ra những kết luận và bài học quan trọng cho ngân hàng nông nghiệp khi bước sang giai đoạn triển khai Basel , đồng thời cũng đề cập đến những khó khăn thực tế của ngân hàng Nông nghiệp trong việc chuẩn hóa cơ sở dữ liệu, đây chính là một trong những yếu tố gây cản trở trong việc áp dụng áp dụng Basel 2 để quản lý rủi ro tín dụng tại ngân hàng này.

Đánh giá về nghiên cứu: Tác giả đã chỉ ra được những điều kiện để các NHTM đáp ứng được quản trị RRTD theo Basel 2, đồng thời đây cũng là cơ sở để đưa ra những vấn đề Agribank cần phải hoàn thiện để quản trị RRTD theo chuẩn quốc tế.

Luận án tiến sỹ: “*Quản trị RRTD tại ngân hàng TMCP Quân đội*”, 2016, Nguyễn Quang Hiến [16]:

Mục tiêu nghiên cứu: Hệ thống lý luận về RRTD và quản trị RRTD một cách bài bản, khoa học trong điều kiện các NHTM đang cạnh tranh gay gắt như hiện nay; đánh giá toàn bộ hoạt động này tại NHTM CP Quân Đội trong giai đoạn từ 2011-2015 và tìm ra được những kết quả đạt được, những hạn chế, tồn tại, đưa ra những nguyên nhân của hạn chế và các giải pháp phù hợp nhằm cải thiện công tác quản trị RRTD tại NHTM CP Quân Đội.

Phương pháp nghiên cứu: Tác giả sử dụng phương pháp thống kê, so sánh, phân tích, tổng hợp các số liệu theo báo cáo của NHTM Quân Đội nhằm đo lường RRTD đối với một khoản tín dụng hay với danh mục tín dụng. Bên cạnh đó, tác giả có sử dụng nghiên cứu và đánh giá thêm của một số chuyên gia.

Kết quả nghiên cứu: Cũng giống như các luận án nghiên cứu khác, trong nội dung nghiên cứu của tác giả đã hệ thống hóa rất khoa học cơ sở lý luận về rủi ro tín dụng, theo hiệp ước Basel 2, tổng kết tình hình thực hiện công tác quản trị RRTD trên thế giới đồng thời rút ra được bài học kinh nghiệm tại Việt Nam; tác giả cũng đã thực hiện được đánh giá thực trạng tín dụng và quản trị RRTD tại ngân hàng Quân đội trong giai đoạn từ 2011 đến 2015, những nguyên nhân tồn tại chưa làm được trong quản trị RRTD, từ những tồn tại này tác giả đã đưa ra các biện pháp, kiến nghị để khắc phục.

Đánh giá về nghiên cứu: Tác giả đã tiếp cận công tác quản trị RRTD tại NHTM CP Quân Đội theo hướng áp dụng chuẩn mực quốc tế (Basel 2), tuy nhiên tác giả mới chỉ dừng

lại ở việc tổng kết hoạt động quản trị RRTD của NHTM CP Quân Đội đang được thực hiện theo Basel 2 như thế nào, tác giả cũng chưa đề cập đến các điều kiện để thực hiện Basel 2 tại ngân hàng này.

Luận án tiến sỹ: “*Nâng cao năng lực quản trị RRTD theo thông lệ quốc tế tại NHTM Việt Nam*”, 2017, Nguyễn Thị Vân Anh [4]:

Mục tiêu nghiên cứu: hệ thống hóa cơ sở lý luận về quản trị RRTD, năng lực quản trị RRTD; xác định những nhân tố ảnh hưởng đến năng lực quản trị; nghiên cứu về mức độ sẵn sàng tiếp cận các chuẩn mực Basel 2 ở những nhóm NHTM chuẩn bị triển khai Basel 2 tại Việt Nam; đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao các nhân tố năng lực thành phần trong khung năng lực quản trị RRTD.

Phương pháp nghiên cứu: chủ yếu sử dụng phương pháp tổng hợp, so sánh, phân tích trên cơ sở dữ liệu thứ cấp thu thập được.

Kết quả nghiên cứu: Kết quả nghiên cứu của tác giả đã có sự tóm lược một cách có hệ thống về hoạt động RRTD của các NHTM theo thông lệ quốc tế và chuẩn mực Basel 2, tổng hợp thành khung năng lực quản trị RRTD theo thông lệ quốc tế và chuẩn mực Basel 2. Đồng thời, tác giả đã đưa ra mức độ và một số vấn đề phát sinh khi các ngân hàng được chọn thí điểm tại Việt Nam thực hiện tiếp cận quản trị RRTD theo Basel 2 và các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao năng lực quản trị RRTD theo thông lệ quốc tế cho các NHTM tại Việt Nam.

Đánh giá về nghiên cứu: Nghiên cứu có ý nghĩa cả về mặt lý luận và thực tiễn của hoạt động quản trị RRTD theo hướng chuẩn quốc tế ở các NHTM nói chung và ở Việt Nam nói riêng. Tuy nhiên, mặc dù tác giả đã đưa ra được một số yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện quản trị RRTD theo Basel 2 của các NHTM Việt Nam, nhưng lại chưa có đánh giá về mặt định lượng những yếu tố này có tác động như thế nào tới năng lực quản trị RRTD theo thông lệ quốc tế đối với NHTM Việt Nam.

Luận án tiến sỹ: “*Quản trị RRTD tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam theo tiêu chuẩn Basel 2*”, 2017, Lê Thị Hạnh [15]:

Mục tiêu nghiên cứu: Xây dựng khung lý thuyết về quản trị RRTD theo tiêu chuẩn Basel 2; căn cứ trên thực trạng quản trị RRTD tại Vietcombank đưa ra các giải pháp kiến nghị phù hợp để công tác quản trị RRTD tại ngân hàng đạt theo tiêu chuẩn Basel 2.

Phương pháp nghiên cứu: phương pháp chính được sử dụng là phương pháp tổng hợp, thu thập tài liệu thứ cấp để thực hiện phân tích, đánh giá tình hình quản trị RRTD theo Basel 2 tại Vietcombank.

Kết quả nghiên cứu: Tác giả đã xây dựng được một khung lý thuyết về quản trị RRTD theo tiêu chuẩn Basel 2 làm cơ sở lý luận, đồng thời tác giả cũng đã nghiên cứu một số kinh nghiệm từ Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc về quản trị RRTD theo tiêu chuẩn Basel 2 qua đó rút ra được một số bài học khá thuyết phục cho NHTM CP Ngoại thương Việt Nam nghiên cứu và vận dụng. Trên cơ sở khảo sát thực trạng quản trị RRTD tại NH Ngoại thương Việt Nam, luận án đã làm rõ được một số nội dung liên quan đến quản trị RRTD theo Basel 2 tại Ngân hàng Ngoại thương, từ đó tác giả đưa ra những hạn chế và làm rõ nguyên nhân của những hạn chế đó là ở đâu, đây chính là cơ sở để cuối cùng tác giả kiến nghị đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện quản trị RRTD tại NHTM CP Ngoại thương Việt Nam theo chuẩn mực Basel.

Đánh giá về nghiên cứu: tác giả đã có đánh giá khoa học và đưa ra những bài học thiết thực, sát với thực tiễn quản trị RRTD của Vietcombank. Tuy nhiên, nghiên cứu chưa chỉ rõ được mức độ của các hạn chế tác động ảnh hưởng như thế nào đến việc thực hiện quản trị RRTD theo Basel 2 tại Vietcombank.

## **1.2. Một số nghiên cứu liên quan đến các nhân tố ảnh hưởng đến quản trị rủi ro tín dụng**

### **1.2.1. Một số nghiên cứu nước ngoài về các nhân tố ảnh hưởng đến quản trị rủi ro tín dụng**

Theo Das, Abhiman & Ghosh, Saibal, 2007, "*Determinants of Credit Risk in Indian State-owned Banks: An Empirical Investigation*" [46]:

Mục tiêu nghiên cứu: nghiên cứu yếu tố tác động đến khoản vay tại các ngân hàng nhà nước Ấn Độ trong giai đoạn 1994-2005.

Phương pháp nghiên cứu: sử dụng phương pháp tổng hợp, phân tích dữ liệu định tính và định lượng để tìm ra yếu tố nào có tác động lớn đến khoản vay tại các ngân hàng nhà nước Ấn Độ giai đoạn 1997-2005.

Kết quả nghiên cứu: Kết quả cho thấy ở mức vĩ mô yếu tố tăng trưởng GDP và ở chính ngân hàng, tăng trưởng cho vay thực, chi phí hoạt động và quy mô ngân hàng đóng một vai trò quan trọng trong việc ảnh hưởng đến các khoản vay có vấn đề.

Đánh giá về nghiên cứu: Trong nghiên cứu này, các tác giả đã sử dụng các kỹ thuật dữ liệu bảng nâng cao tìm kiếm các yếu tố ảnh hưởng đến các khoản vay của các ngân hàng nhà nước Ấn Độ trong giai đoạn 1994-2005, có tính đến cả các yếu tố kinh tế vĩ mô cũng như các biến kinh tế vi mô. Kết quả nghiên cứu đã giúp người đọc nhận thức được yếu tố có tác động lớn đến các khoản vay ở các ngân hàng nhà nước Ấn Độ giai đoạn 1997-2005. Đây là nghiên cứu có đóng góp quan trọng cả về mặt lý luận và thực tiễn khi nghiên cứu về hoạt động tín dụng tại Ấn Độ.

Theo Norlida Abdul Manab, Ng Yen Theng, Rohani Md-Rus, 2015, "*The Determinants of Credit Risk in Malaysia*", *Procedia - Social and Behavioral Sciences*, Volume 172 [2015, tr 301-308] [56]:

Mục tiêu nghiên cứu: Mục đích của nghiên cứu này là điều tra các yếu tố quyết định RRTD và kiểm tra tác động của quản lý thu nhập đối với dự đoán RRTD tại Malaysia.

Phương pháp nghiên cứu: trước tiên sử dụng phương pháp phân tích theo mô hình định lượng về các yếu tố dự đoán RRTD bằng các tỷ số tài chính, sau đó thực hiện điều chỉnh biến thu nhập để xem xét có thể cải thiện được tỷ lệ dự đoán chính xác RRTD bằng các tỷ số tài chính hay không.

Kết quả nghiên cứu: Đối với mô hình chưa được điều chỉnh, tỷ lệ thanh khoản và tỷ suất lợi nhuận là đáng kể trong khi đối với mô hình điều chỉnh, tỷ lệ thanh khoản và tỷ lệ năng suất là đáng kể. Cả hai mô hình có tỷ lệ chính xác tương tự trong việc dự đoán công ty đang gặp khó khăn về tài chính. Mặt khác, đối với công ty có tình hình tài chính tương đối bình thường, mô hình chưa được điều chỉnh đã hoạt động tốt hơn so với mô hình được điều chỉnh.

Đánh giá về nghiên cứu: Dựa trên kết quả nghiên cứu, các nhà đầu tư trên thị trường Malaysia có thể áp dụng mô hình chưa được điều chỉnh để dự đoán sự thất bại của công ty trong tương lai, từ đó có những quyết định đúng đắn cho hoạt động đầu tư của mình.

### ***1.2.2. Một số nghiên cứu trong nước về các nhân tố ảnh hưởng đến quản trị rủi ro tín dụng***

Theo Võ Thị Quý và Bùi Ngọc Toàn, 2014, “*Các yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam*”, Tạp chí Khoa học Đại học mở TP HCM, số (36)2014, tr16-26 [23]:

Mục tiêu: nghiên cứu ảnh hưởng của các yếu tố đến RRTD tại các NHTM giai đoạn 2009 - 2012.

Phương pháp nghiên cứu: sử dụng phương pháp tổng hợp, thu thập dữ liệu của 26 NHTM giai đoạn 2009 - 2012, sau đó tiến hành thực hiện phân tích định tính và định lượng những dữ liệu này để đưa ra kết luận về các yếu tố tác động đến RRTD.

Kết quả nghiên cứu: đã chỉ ra ba biến - rủi ro tín dụng ngân hàng trong quá khứ với độ trễ một năm, tỷ lệ tăng trưởng tín dụng với độ trễ một năm, tỷ lệ tăng trưởng GDP với độ trễ một năm đều có ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng của NHTM Việt Nam. Kết quả này có hàm ý rằng tốc độ tăng trưởng GDP giảm, tăng trưởng tín dụng, kết hợp với những khoản cho vay chất lượng thấp trước đó đã làm gia tăng rủi ro tín dụng của các NHTM.

Đánh giá kết quả nghiên cứu: nghiên cứu có ý nghĩa thực tiễn, phù hợp với xu hướng hoạt động kinh tế - xã hội ở Việt Nam, giúp các nhà quản trị Ngân hàng có thể lên kế hoạch đối phó với những phát sinh RRTD có thể xảy ra khi tốc độ GDP của Việt Nam giảm.

Theo Nguyễn Quốc Anh và Nguyễn Hữu Thạch, 2015, “*Các yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng- Bằng chứng thực nghiệm tại các NHTM Việt Nam*”, Tạp chí Khoa học Trường Đại học An Giang, số 1(1), tr27-39 [2]:

Mục tiêu: Mối quan hệ giữa các yếu tố tác động đến RRTD thông qua tỷ lệ nợ xấu tại Việt Nam giai đoạn 2005-2013.

Phương pháp nghiên cứu: Các tác giả sử dụng phương pháp tổng hợp dữ liệu nợ xấu từ 26 NHTM tại Việt Nam giai đoạn 2005-2013, từ những số liệu này thông qua phương pháp phân tích định tính và định lượng để rút ra kết luận các nhân tố có tác động đến RRTD.

Kết quả nghiên cứu: Kết quả chỉ ra rằng tốc độ tăng trưởng GDP có mối quan hệ ngược chiều với rủi ro tín dụng. Đối với các biến trong ngân hàng, tỷ lệ nợ xấu năm trước cao có tác động nghịch chiều đến tỷ lệ nợ xấu trong năm hiện tại; ROE có mối quan hệ nghịch chiều với nợ xấu, vì lợi nhuận kém phản ảnh chất lượng quản lý không tốt, dẫn tới tỷ lệ nợ xấu tăng cao hơn. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu còn cho thấy tại các ngân hàng có quy mô lớn có nguy cơ xuất hiện RRTD sẽ cao hơn các Ngân hàng còn lại.

Đánh giá nghiên cứu: Đây là công trình nghiên cứu có ý nghĩa cả về mặt lý luận và thực tiễn. Thông qua mô hình định lượng, các tác giả đã kiểm định lại những nhân tố có ảnh hưởng đến RRTD tại các NHTM ở Việt Nam trong giai đoạn 2005-2013, ngoài những nhân tố có sẵn, kết quả nghiên cứu còn cho thấy tác động của nhân tố quy mô ngân hàng đến RRTD, theo đánh giá của NCS nghiên cứu của các tác giả đã giúp những nhà nghiên cứu RRTD của các NHTM Việt Nam thêm một căn cứ xác định các nhân tố cụ thể có ảnh hưởng đến hoạt động quản trị RRTD.

## **1.3. Nhận xét chung về các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước**

### ***1.3.1. Những kết quả đạt được***

Về phạm vi nghiên cứu: Nhìn chung hầu hết công trình nghiên cứu đều đã thực hiện hệ thống mô tả, phân tích về rủi ro tín dụng, quản trị rủi ro tín dụng và làm rõ vai trò cũng



như sự cần thiết của việc quản trị RRTD trong hoạt động của các NHTM nói chung và tùy thuộc vào thực trạng hoạt động quản trị RRTD tại từng NHTM cụ thể, các tác giả nghiên cứu về những tồn tại, hạn chế từ đó có những giải pháp phù hợp nhằm cải thiện hiệu quả công tác quản trị RRTD tại các NHTM. Phạm vi nghiên cứu của các đề tài đều rất cụ thể, rõ ràng và có hướng báo quát toàn bộ quá trình quản trị RRTD tại một ngân hàng.

Về phương pháp nghiên cứu: Các nghiên cứu đã sử dụng những phương pháp nghiên cứu truyền thống và khoa học như: phương pháp tổng hợp, thống kê tài liệu thứ cấp và phương pháp phỏng vấn chuyên gia nhằm mục đích có thêm thông tin về mô hình quản trị RRTD, đề xuất ý kiến cải thiện nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị RRTD tại các NHTM thường được các tác giả sử dụng. Bên cạnh đó, một số nghiên cứu có sử dụng các mô hình định lượng nhằm xác định được mức độ ảnh hưởng của các nhân tố tới hoạt động quản trị RRTD và tới công tác dự báo rủi ro tại các NHTM.

Về kết quả nghiên cứu: Những kết quả nghiên cứu là một trong những nguồn tài liệu, giúp người đọc có cái nhìn tổng thể, cơ bản, khách quan về công tác quản trị RRTD của các NHTM trong điều kiện thị trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay. Cụ thể một số công trình khoa học đã tiếp cận cả về lý luận và thực tiễn theo định hướng của hiệp ước Basel 2, thêm vào đó một vài nghiên cứu đã thực hiện theo hướng đo lường định lượng xác định được ảnh hưởng của các nhân tố tới rủi ro tín dụng của các NHTM. Đây là một trong những căn cứ khoa học vững chắc để đưa ra được những giải pháp kiến nghị nhằm hoàn thiện những thiếu sót trong hệ thống quản trị rủi ro tín dụng hiện nay.

### **1.3.2. Những vấn đề đặt ra**

*Đối với những nghiên cứu nước ngoài:* Hầu hết các tác giả đều tiến hành nghiên cứu tại các nước có nền kinh tế phát triển ở như Mỹ, Nhật, Trung Quốc,... vì vậy thực tế phát sinh ở các nước này có sự khác biệt so với Việt Nam. Ngoài ra, một số nghiên cứu mới chỉ tiến hành phân tích lý thuyết, chưa có lộ trình triển khai cho các khu vực, quốc gia, nhóm ngân hàng cụ thể.

*Đối với những nghiên cứu trong nước:*

Lĩnh vực ngân hàng luôn có sự vận động thay đổi không ngừng, các sản phẩm dịch vụ mới ngày càng mở rộng, đa dạng phong phú do đó phần nào các công trình nghiên cứu trên đã bộc lộ những điểm cho phù hợp với xu thế phát triển của lĩnh vực ngân hàng ngày nay;

Ngoài ra, nhìn chung các nghiên cứu mặc dù đã tiếp cận quản trị rủi ro tín dụng theo hướng chuẩn quốc tế quy định hiện nay đang được áp dụng đó là hiệp ước Basel 2, tuy nhiên các nghiên cứu này mới chỉ dừng lại ở mức độ nêu lên nội dung của Basel 2, với đối tượng là các NHTM cụ thể nhiều nghiên cứu còn chưa đề cập đến thực tế các NHTM này đang đạt được ở mức độ nào so với chuẩn quốc tế hiệp ước Basel 2 quy định, tiến trình thực hiện áp dụng Basel 2 như thế nào, bên cạnh đó cũng chưa đưa ra được các NHTM còn thiếu sót điều gì so với quy định Basel 2 đồng thời cũng không đề cập đến sự khác biệt giữa quản trị rủi ro tín dụng tại các ngân hàng nghiên cứu có có điểm đặc trưng nào khi so với những NHTM còn lại trong hệ thống.

Nhiều công trình nghiên cứu rủi ro vẫn mang tính chất định tính, chưa chỉ ra được mô hình quản lý rủi ro, đo lường rủi ro, tổn thất ngân hàng phải gánh chịu khi rủi ro tín dụng xảy ra, chưa phản ánh được mức độ chấp nhận rủi ro của các ngân hàng, cũng không

nêu lên được cách thức để xây dựng hệ thống theo dõi cơ cấu và chất lượng tổng thể các danh mục đầu tư, cấp tín dụng. Một số công trình nghiên cứu đã sử dụng phương pháp định lượng tuy nhiên rõ ràng là đối với các ngân hàng thương mại khác nhau thì đều có những đặc thù riêng, có chính sách tín dụng, quản trị rủi ro tín dụng riêng, do đó những yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng ở mỗi ngân hàng sẽ khác nhau. Vì vậy, không thể có một kết quả chung về các tác động của những nhân tố đến rủi ro tín dụng cũng như quản trị rủi ro tín dụng tại NHTM.

Các giải pháp được đề xuất trong các nghiên cứu có xu hướng gợi ý sự áp đặt mà chưa thực sự hướng tới tìm kiếm các giải pháp theo thực tế cụ thể hoạt động của từng ngân hàng dưới tác động thực tế là hoạt động kinh doanh hiện nay gặp rất nhiều khó khăn do sự cạnh tranh giữa các tổ chức tín dụng ngày càng gay gắt quyết liệt.

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 1**

Để có cách nhìn toàn diện về những nội dung của hoạt động quản trị rủi ro nói chung và quản trị RRTD tại các NHTM nói riêng, NCS đã thực hiện thống kê một số tài liệu nghiên cứu trong và ngoài nước về hai lĩnh vực này. Từ đó thông qua xem xét các mặt về mục tiêu nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kết quả nghiên cứu, NCS đã có tổng kết về những mặt đã thực hiện được của các nghiên cứu và đưa ra một số vấn đề cần đặt ra khi thực hiện nghiên cứu công tác quản trị RRTD tại các NHTM. Các vấn đề lý luận này ở chương 1 sẽ là cơ sở tiền đề nghiên cứu nội dung quản trị RRTD tại các NHTM được trình bày ở chương 2.